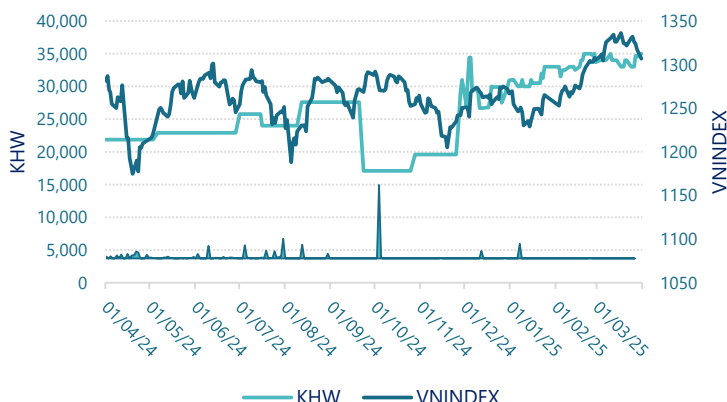


CTCP Cấp thoát nước Khánh Hòa (UPCOM: KHW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	35,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	17,100
SL cổ phiếu LH	28,599,996
KLGD BQ 20 phiên (CP)	637
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,001
P/E	11.6
EPS	3,025

DT thuần

Q1/25

99.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.10 | -5.8%

YoY: ▲ 6.00 | 6.4%

LN sau thuế

Q1/25

14.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.70 | -34.5%

YoY: ▼1.10 | -6.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

23.4%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

2024

436

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 50.0 | 13.0%

LN sau thuế

2024

87.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.7 | 41.9%

ROE

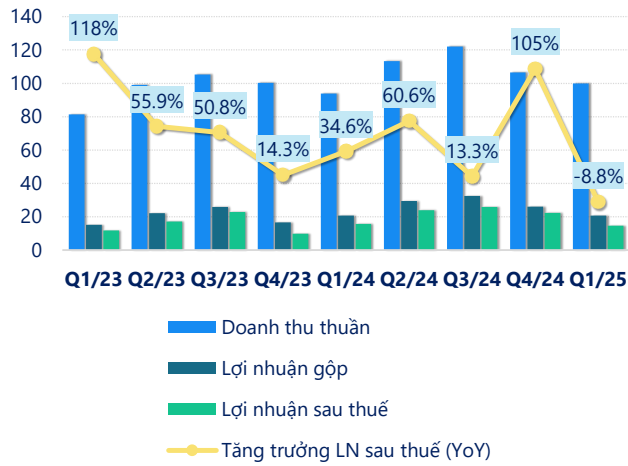
2024

23.3%

+/- YoY: ▲ 5.2%

tỷ VNĐ

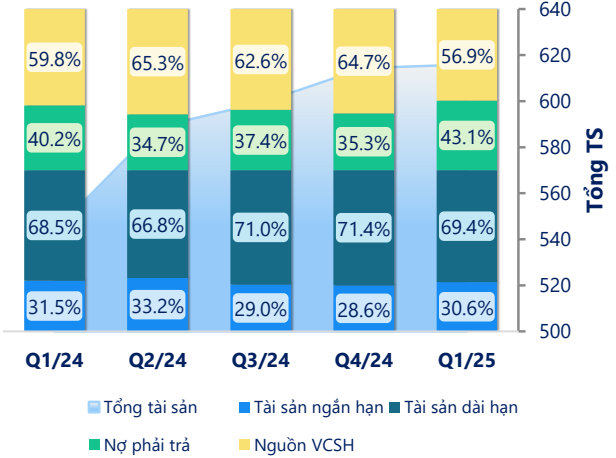
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

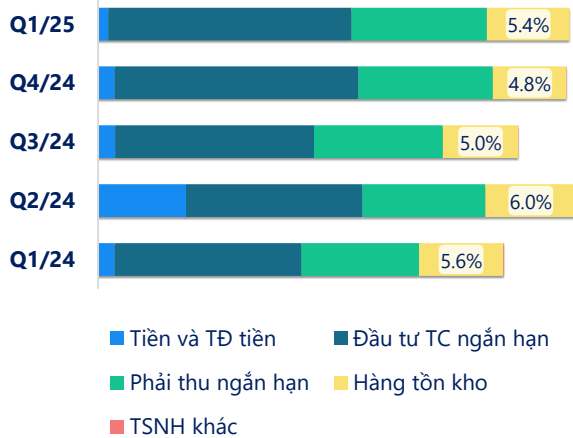
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



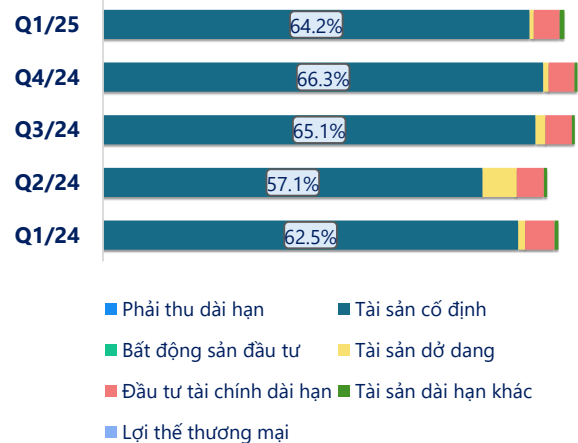
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

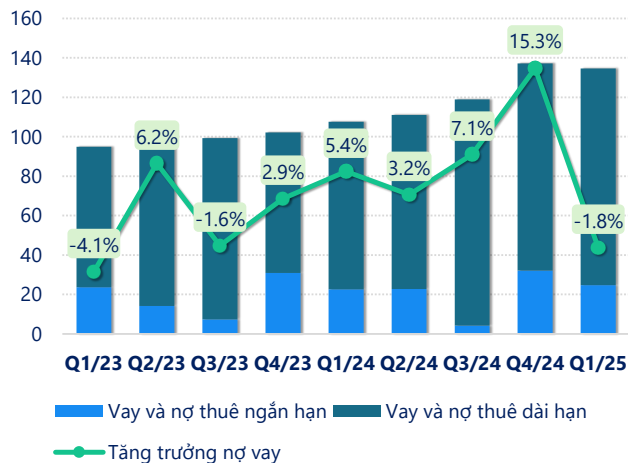
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

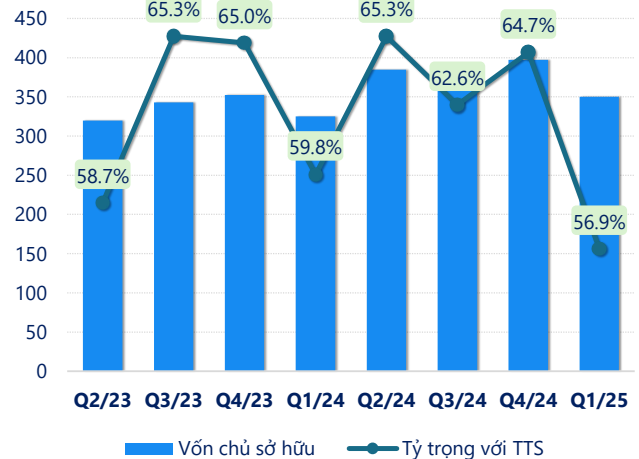
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

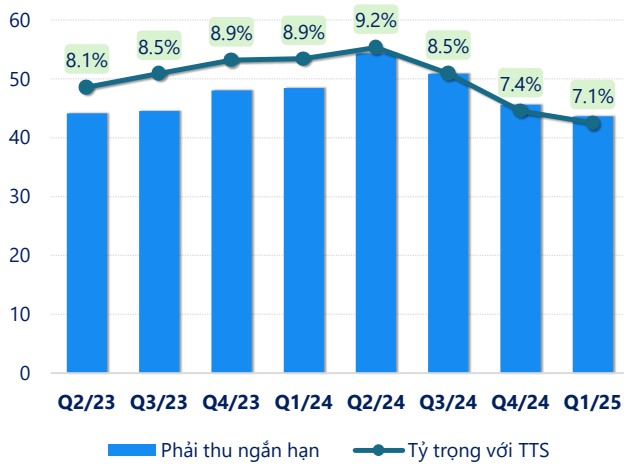
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



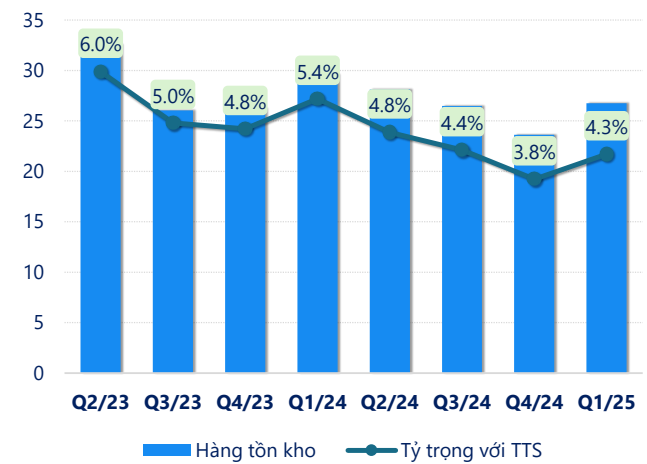
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


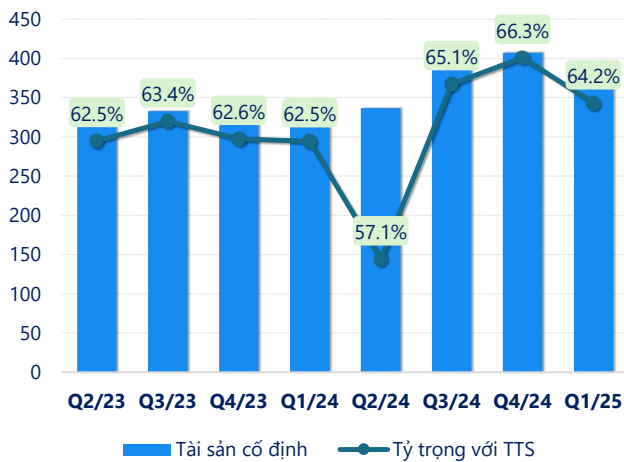
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


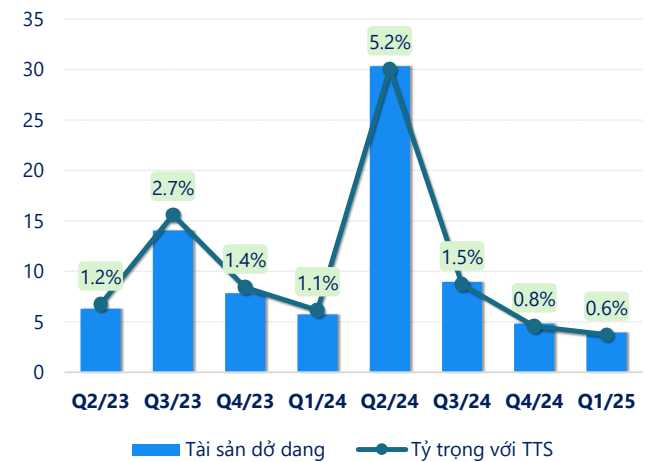
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

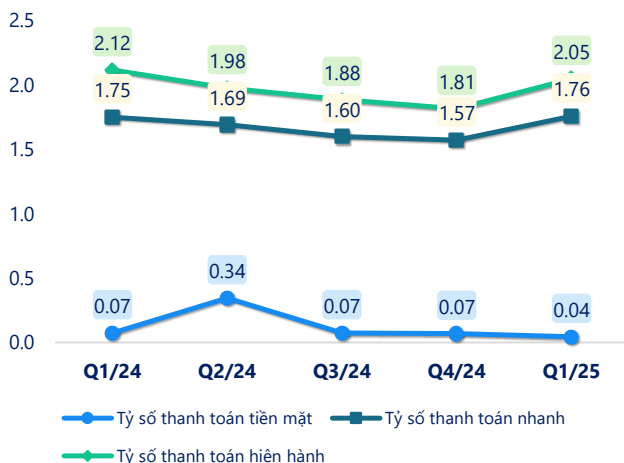
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

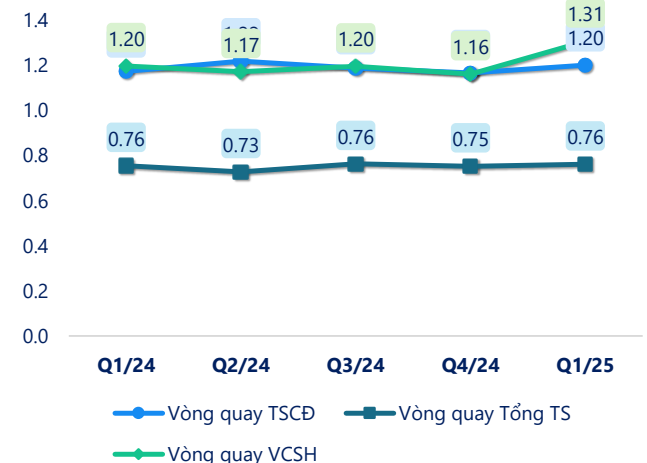
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	544	589	599	614	616
Tài sản ngắn hạn	171	195	174	176	188
Tiền và tương đương tiền	5.90	34.1	6.76	6.62	4.11
Đầu tư tài chính ngắn hạn	87.1	78.6	89.2	99.9	114
Phải thu ngắn hạn	48.4	54.3	50.9	45.6	43.6
Hàng tồn kho	29.6	28.1	26.5	23.6	26.7
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.22	0.64	0	0
Tài sản dài hạn	373	394	425	439	428
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	340	336	390	407	395
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.74	30.3	8.96	4.81	3.94
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	24.0	24.0	24.0	24.0
Tài sản dài hạn khác	3.29	2.82	2.44	2.78	4.38
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	218	204	224	217	266
Nợ ngắn hạn	80.8	98.9	92.3	96.8	91.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.7	22.8	4.22	32.2	24.7
Phải trả người bán ngắn hạn	10.7	19.3	23.7	11.0	17.4
Nợ dài hạn	138	106	132	120	174
Vay và nợ thuê dài hạn	85.0	88.3	115	105	110
Nguồn vốn chủ sở hữu	325	384	375	397	350
Vốn chủ sở hữu	325	384	375	397	350
Vốn điều lệ	286	286	286	286	286
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)